Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8311.20.90

Mã HS	8311.20.90
Mô tả hàng hóa	Dây, que, ống, tấm, điện cực và các sản phẩm tương tự, bằng kim loại cơ bản hoặc carbua kim loại, được bọc, phủ hoặc có lõi bằng chất trợ dung, loại dùng để hàn xì, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc carbua kim loại; dây và que, từ bột kim loại cơ bản được kết tụ, sử dụng trong phun kim loại / - Dây hàn bằng kim loại cơ bản, có lõi là chất trợ dung, dùng để hàn hồ quang điện: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 08:23:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/83112090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12696
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12696
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12696
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12066
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12009
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12009
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12009
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12009
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12009
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12009
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E12061
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12061
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12061
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12061

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12061
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12061
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12062
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12062
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12062
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12062
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12062
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12062
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12065
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12015
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12021
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12021
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12021
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12021
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12021
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12021
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12054
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12054
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12054
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12054
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12054
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12054
VCFTA	2022	2022	5	VC!D12099
VCFTA	2023	2023	3	VC!E12099
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12099
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12099

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12099
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12099
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D12084
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E12084
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F12084
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12084
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12084
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12084
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D12084
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E12084
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F12084
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G12084
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H12084
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12084
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D12101
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E12101
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F12101
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12101
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12101
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12101
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D12100
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E12100
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F12100
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12100
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12100
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12100

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12047
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12047
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12047
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12047
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12047
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12047
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12047
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12084
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12084
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12084
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12084
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12084
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12084
RCEP B	2022	2022	0	B!D12084
RCEP B	2023	2023	0	B!E12084
RCEP B	2024	2024	0	B!F12084
RCEP B	2025	2025	0	B!G12084
RCEP B	2026	2026	0	B!H12084
RCEP B	2027	2027	0	B!I12084
RCEP C	2022	2022	0	C!D12084
RCEP C	2023	2023	0	C!E12084
RCEP C	2024	2024	0	C!F12084
RCEP C	2025	2025	0	C!G12084
RCEP C	2026	2026	0	C!H12084
RCEP C	2027	2027	0	C!I12084
RCEP D	2022	2022	0	D!D12083

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12083
RCEP D	2024	2024	0	D!F12083
RCEP D	2025	2025	0	D!G12083
RCEP D	2026	2026	0	D!H12083
RCEP D	2027	2027	0	D!I12083
RCEP E	2022	2022	0	E!D12087
RCEP E	2023	2023	0	E!E12087
RCEP E	2024	2024	0	E!F12087
RCEP E	2025	2025	0	E!G12087
RCEP E	2026	2026	0	E!H12087
RCEP E	2027	2027	0	E!I12087
RCEP F	2022	2022	0	F!D12084
RCEP F	2023	2023	0	F!E12084
RCEP F	2024	2024	0	F!F12084
RCEP F	2025	2025	0	F!G12084
RCEP F	2026	2026	0	F!H12084
RCEP F	2027	2027	0	F!I12084
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F11170
VIFTA	2025	2025	20	VI!G11170
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H11170
VIFTA	2027	2027	15	VI!I11170

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8311.20 có 3 dòng thuế; dòng 8311.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8311.20.21 Dạng cuộn; 8311.20.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8311.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8311.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12696), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.